13. YÀU KORHIA : MIÊU-TẢ : DESCRIPTIVES

a. Sồ : Số : Numbers

sồ	số	number
tah kơrblah	bằng nhau	same number
du	mấy	the various
yàu	mấy	the various
sa mơtũh	phần nửa	half
sa	một	one
dua	hai	two
klơu	ba	three
pà	bốn	four
lơma	năm	five
nam	sáu	six
tơjuh	bảy	seven
tơlpan	tám	eight
sơlpan	chín	nine
spluh	mười	ten
spluh sa	mười một	eleven
spluh dua	mười hai	twelve
dua pluh	hai mươi	twenty
dua pluh sa	hai mươi mốt	twenty-one
rơtùh	trăm	hundred
rơbơu	ngàn	thousand
spluh rơbơu	vạn	ten thousand
lu la	nhiều	many
tơkì	ít	a little
sit	vài	a few
hơdùm	bao nhiêu	how many
abih	tất cả	all
tơgrờ	mỗi	each
tồt	thiếu	lacking

siơŭ	thiếu	lacking
gap mơnŭ	vừa	average
khà sa	thứ nhứt	first
khà dua	thứ nhì	second
khà klơu	thứ ba	third
khà pà	thứ tư	fourth
khà lơma	thứ năm	fifth
khà nam	thứ sáu	sixth
khà tơjuh	thứ bảy	seventh
khà tơlpan	thứ tám	eighth
khà sơlpan	thứ chín	ninth
khà spluh	thứ mười	tenth
lu đơi	nhiều quá	very much
lu biă	nhiều	many
tơrkum	chùm	a bunch
tơrpuơl	nhóm	group
pơnŭ	nhóm nhỏ	group (small)
sa yơu	một đôi	a pair
iơŭ mŭ	vừa vặn	medium
kàr	chừng	sufficient (amount)
mơta	phần	part
bơnah	phần	portion
dơlah	dư	surplus
tơl	đủ	enough
bong	tất cả	whole

Tủ-Sách Ngôn-Ngữ
Dân-Tộc Thiểu-Số Việt-Nam
Cuốn 16 Phần 1

YÀU AKHAR IA CHRU
NGỮ-VỰNG CHRU
CHRU VOCABULARY

(Chru-Việt-English)

Jràng, Ja Kuàng, Ja Wi,
Ja Dai, Ja Ngai, Eugene Fuller

Summer Institute of Linguistics
Viện Chuyên-Khảo Ngữ-Học

53 E 72
1977